VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024[1].

---

[1]Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt."

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm đường sắt.

Điều 3[2]. Giải thích từ ngữ

1. Đăng kiểm viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này và được công nhận là đăng kiểm viên.

2. Đăng kiểm viên bao gồm đăng kiểm viên đường sắt và đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.

---

[2]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Chương II

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 4[3]. Tiêu chuẩn của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt;

d) Có thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 12 tháng. Trường hợp có thời gian làm việc liên quan đến quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường sắt cộng dồn tối thiểu 36 tháng (căn cứ theo hợp đồng lao động và hồ sơ bảo hiểm xã hội) thì thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 06 tháng.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Có thời gian giữ hạng đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 05 (năm) năm;

b) Hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.

Điều 5[4]. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

---

[3]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[4]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

a) Tham gia thẩm định báo cáo đánh giá an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận đối với các nội dung liên quan đến phương tiện, không bao gồm hệ thống tín hiệu lắp đặt trên phương tiện;

b) Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt;

c) Lập hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

d) Tính các loại giá và lệ phí đăng kiểm theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn thực tập cho học viên đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt;

e) Tham gia tập huấn, đánh giá năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho học viên, đăng kiểm viên;

g) Thực hiện những nhiệm vụ khác khi có yêu cầu.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao thực hiện các nhiệm vụ của đăng kiểm viên đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tham gia hỗ trợ phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến phương tiện giao thông đường sắt khi có yêu cầu.

Điều 6[5]. Quyền hạn của đăng kiểm viên

1. Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở thiết kế, chế tạo, đóng mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm, quản lý phương tiện, thiết bị cung cấp các hồ sơ kỹ thuật và bảo đảm các Điều kiện cần thiết để thực hiện công tác đăng kiểm.

2. Bảo lưu và báo cáo lãnh đạo cấp trên các ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo phụ trách trực tiếp về kết luận đánh giá tình trạng kỹ thuật, sự phù hợp của đối tượng thẩm định, kiểm tra, đánh giá.

---

[5]Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

3[6]. Ký và sử dụng dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

4[7]. Từ chối thực hiện kiểm tra nếu công việc được phân công vượt quá năng lực chuyên môn nghiệp vụ đã được công nhận hoặc khi nhận thấy các điều kiện an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

Điều 7[8]. Trách nhiệm của đăng kiểm viên

1. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức đăng kiểm và quy định của pháp luật.

Chương III
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 8[9]. *(được bãi bỏ)*

Điều 9[10]. Chương trình tập huấn nghiệp vụ

---

[6]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[7]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[8]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên đường sắt bao gồm:

a) Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

c) Các quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ đăng kiểm liên quan đến nhiệm vụ được giao;

d) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2. Chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao bao gồm các quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ đăng kiểm liên quan đến nhiệm vụ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Căn cứ vào nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đăng kiểm viên đường sắt và đăng kiểm viên đường sắt bậc cao theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam:

a) Ban hành chương trình, tài liệu tập huấn nghiệp vụ;

b) Tổ chức thực hiện tập huấn nghiệp vụ;

c) Ban hành Quyết định công nhận đã hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ.

Điều 10[11]. Công nhận, công nhận lại, ban hành lại và thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực; ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên khi bị sai sót thông tin trên Quyết định, khi bị mất, hư hỏng Quyết định, khi bị thu hồi Quyết định.

---

[10]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[11]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Ban hành quy trình đánh giá, thủ tục công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên và ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên;

b) Quyết định thành lập Hội đồng công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên để thực hiện việc đánh giá đăng kiểm viên;

c) Ban hành Quyết định công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên. Trường hợp không ban hành Quyết định công nhận, công nhận lại đối với đăng kiểm viên phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Quyết định công nhận đăng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, có sai sót thông tin, đăng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đăng kiểm viên hoặc ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

c) Không được thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm viên.

5. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thông báo đến đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên chỉ được cấp lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên tối thiểu 06 (sáu) tháng kể từ ngày thu hồi (trừ trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này).

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM ĐƯỜNG SẮT

Điều 11. Trụ sở làm việc của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có văn phòng làm việc và phòng lưu trữ hồ sơ.

Điều 12. Trang thiết bị kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

1. Ngoài các trang thiết bị văn phòng thông thường, tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có tối thiểu trang thiết bị kiểm tra phục vụ đăng kiểm đường sắt, bao gồm:

a) Dụng cụ đo kích thước (dụng cụ đo kích thước bánh xe, pan me, thước cặp, thước đo các loại);

b) Thiết bị kiểm tra nhiệt độ;

c) Thiết bị kiểm tra cách điện;

d)[12] ***(được bãi bỏ)***;

đ) Thiết bị kiểm tra lưu lượng gió;

e) Thiết bị kiểm tra chiều dày vật liệu;

g) Thiết bị kiểm tra độ ồn;

h) Thiết bị kiểm tra cường độ sáng;

i) Thiết bị thử hãm đơn xa;

k)[13] ***(được bãi bỏ)***.

2[14]. Việc kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm tra phục vụ đăng kiểm đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

---

[12]Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[13]Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

[14]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[15]

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Thông tư số 40/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường sắt hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

1[16]. ***(được bãi bỏ)***.

2. Các Đăng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là Đăng kiểm viên đường sắt trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét công nhận lại.

Điều 15. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

---

[15]Điều 3 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Các Quyết định công nhận đăng kiểm viên đường sắt, đăng kiểm viên đường sắt bậc cao đã được công nhận theo Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT tiếp tục được duy trì đến ngày hết hiệu lực của Quyết định công nhận;

b) Đối với học viên thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt chưa được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thời gian thực tập được tính theo quy định của Thông tư này, mốc thời gian được tính từ thời điểm bắt đầu thực tập theo thực tế.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

[16]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 12/VBHN-BGTVT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024*
	KT. BỘ TRƯỞNG **THỨ TRƯỞNG**
	Nguyễn Danh Huy